

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	:	ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO	:	CỬ NHÂN SƯ PHẠM LỊCH SỬ
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	:	7140218
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	:	CHÍNH QUY
TÊN VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP	:	
Tiếng Việt	:	Cử nhân Sư phạm Lịch sử
Tiếng Anh	:	The degree of bachelor History Teacher Education

THỪA THIÊN HUẾ - 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Các căn cứ	3
2. Mô hình đào tạo.....	4
2.1. Mô hình đào tạo các bậc học của Trường đại học Sư phạm, Đại học Huế	4
2.2. Mô hình đào tạo của ngành	6
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1. Mục tiêu đào tạo	7
1.1. Mục tiêu chung.....	7
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
2. Chuẩn đầu ra.....	8
2.1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực.....	8
2.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	11
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	11
3. Thời gian đào tạo: 4 năm.....	11
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 ĐVTC	11
5. Đối tượng tuyển sinh, khối thi.....	11
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	11
7. Cách thức đánh giá	12
7.1. Thang điểm đánh giá.....	12
7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm.....	12
8. Khung chương trình đào tạo.....	14
9. Kế hoạch đào tạo	33
10. Ma trận mô tả quan hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với học phần	37
11. Điều kiện thực hiện chương trình.....	42
11.1. Tài liệu học tập.....	42
11.2. Đội ngũ giảng viên	48
11.3. Cơ sở vật chất.....	56
12. Hướng dẫn thực hiện chương trình	56

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2020)

Tên chương trình	:	Cử nhân sư phạm Lịch sử
Trình độ đào tạo	:	Đại học
Ngành đào tạo	:	Cử nhân sư phạm Lịch sử (Tiếng Việt) History Teacher Education (Tiếng Anh)
Loại hình đào tạo	:	Chính quy
Tên khoa thực hiện	:	Lịch sử
Tên gọi văn bằng	:	
		+ Tiếng Việt: Cử nhân Sư phạm Lịch sử
		+ Tiếng Anh: Bachelor of History Teacher Education
Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế		

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các căn cứ

Chương trình đào tạo ngành sư phạm Lịch sử được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục (2019); Luật Giáo dục đại học (2012); Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung (Luật số 34/2018/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/11/2018);
- Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 04/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa IX, kì họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục;
- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 hợp nhất Quyết định về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được, sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học;
- Thông tư 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;
- Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

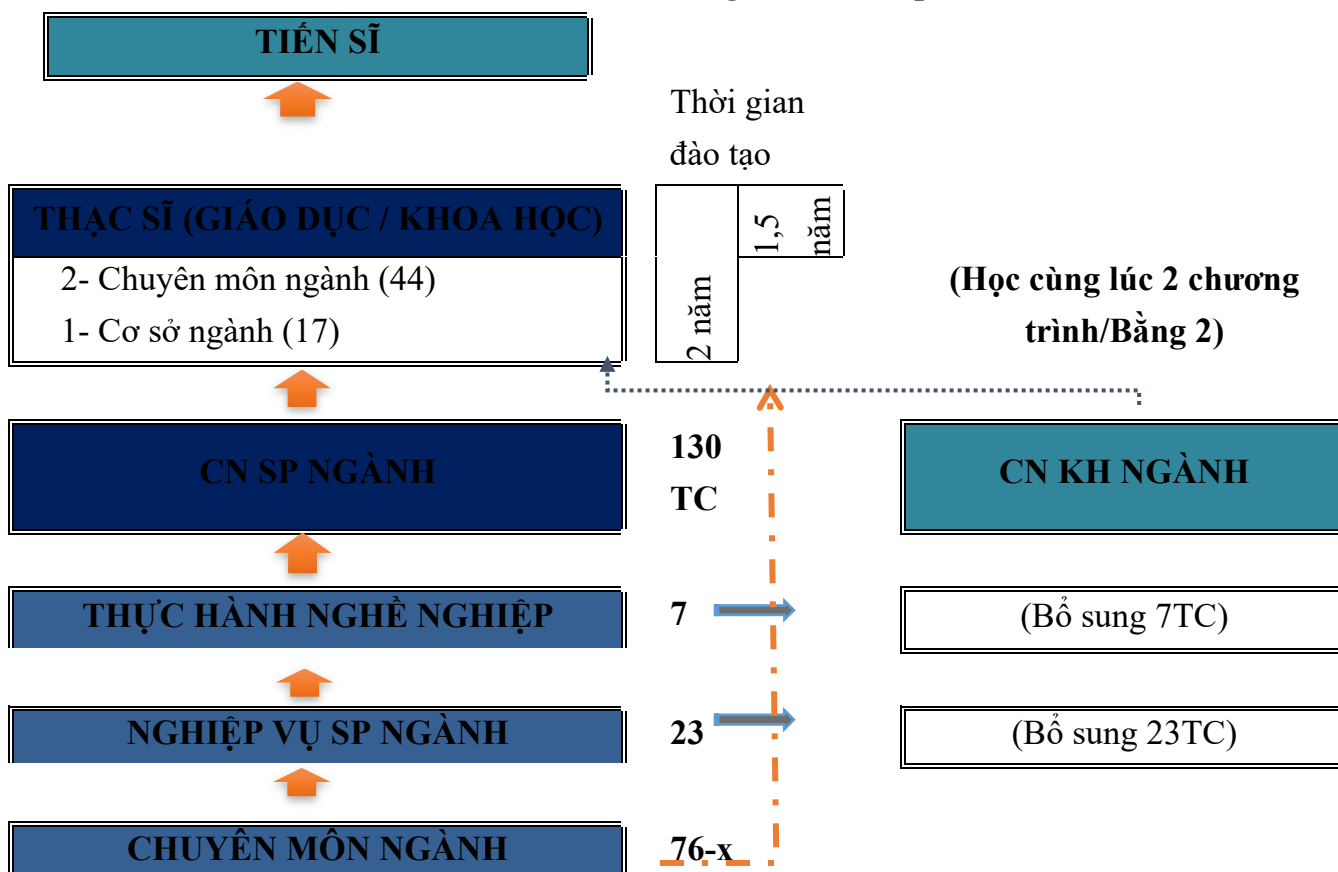
- Quyết định số 1576/QĐ-ĐHSP ngày 31/07/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế về việc ban hành Mô hình đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và khối lượng kiến thức tối thiểu của chương trình đào tạo trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế;

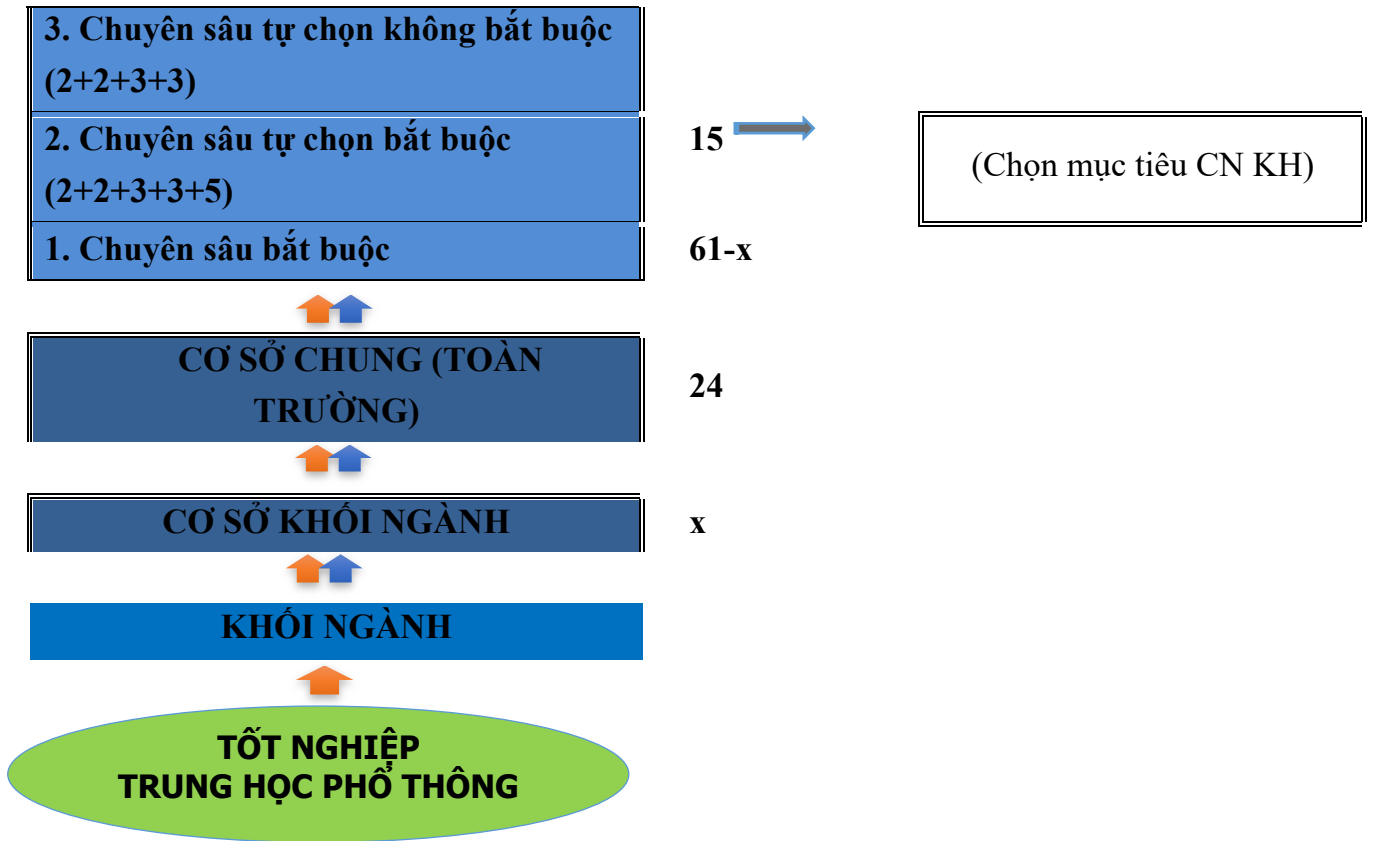
- Tham khảo CTĐT Geography and History của University of Chester - England và khoá học University of leeds của Geography and History.

- Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với ngành sư phạm của nhà trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học của các tỉnh, địa phương...

2. Mô hình đào tạo

2.1. Mô hình đào tạo các bậc học của Trường đại học Sư phạm, Đại học Huế





Chú giải về mô hình:

Cử nhân sư phạm	Giáo viên trung học phổ thông (chương trình chính khóa) Công nhận thêm: Dạy học THCS (chương trình tùy chọn) Giáo viên trung học phổ thông (chương trình 2)
Cử nhân khoa học (liên thông ngang)	Học cùng lúc 2 chương trình Học văn bằng thứ 2
Thạc sĩ (liên thông dọc)	Chương trình 4+1,5 (từ cử nhân học tiếp 1,5 năm)
Thạc sĩ (thi đầu vào)	Chương trình 1,5 năm (đã có 17 cơ sở ngành) Chương trình 2 năm (chưa có 17 cơ sở ngành)

2.2. Mô hình đào tạo của ngành

TIỀN SĨ		Thời gian đào tạo	
THẠC SĨ (GIÁO DỤC / KHOA HỌC)		2 năm	1,5 năm
2- Chuyên môn ngành (44) 1- Cơ sở ngành (17)			
CN SP NGÀNH		123 TC	CN KH LỊCH SỬ (Học cùng lúc 2 chương trình / Bảng 2)
THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP		7	Thực tế chuyên môn (7) (2 + 5 hoặc 7)
2- Thực tập sư phạm (5) 1- Kiến tập sư phạm (2)			
NGHIỆP VỤ SP NGÀNH		23	Bổ sung 23 TC
9- Thực hành dạy học (2) 8- Hình thức và phương pháp dạy học Lịch sử (4) 7- Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử (3) 6- Đánh giá kết quả giáo dục của HS trong dạy học bộ môn(2) 5- Phát triển chương trình dạy học bộ môn(2) 4- Giáo dục học 1, 2 (2+2) 3- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2) 2- Rèn luyện nghiệp vụ (2) 1- Tâm lý học nghề nghiệp (2)			
CHUYÊN MÔN NGÀNH		66	
4 - Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam (2) 3 - Văn hoá các dân tộc Việt Nam (3) 2 - Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam (2) 1 - Văn hoá du lịch (3) Nhóm 3: Các học phần lịch sử - du lịch 4 - Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay (2) 3 - Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay (3) 2 - Triều Nguyễn và văn hoá Huế (2) 1 - Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (3) Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ 4 - Các cuộc phát kiến địa lý (3) 3 - Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS (2) 2 - Lịch sử văn minh Việt Nam (3) 1 - Đô thị thế giới và Việt Nam (2) Nhóm 1: Các học phần lịch sử - địa lý 3. Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc (2+2+3+3) 3 - Kỹ thuật dạy học lịch sử (2) 2 - Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (3) 1 - Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay (3) b. Tự chọn bắt buộc cuối khóa (5 hoặc 2+3) 4 - Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực (2) 3 - Lịch sử ngoại giao Việt Nam (3) 2 - Cải cách trong lịch sử (3) 1 - Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử (2) Nhóm 2. Các chuyên đề liên thông thạc sĩ 4 - Quan hệ giữa phương Tây với Đông Nam Á thế kỷ XVI - XIX (2) 3 - Biến đổi xã hội Việt Nam thời cận hiện đại (3) 2 - Giáo dục địa phương (3) 1 - Quan hệ ASEAN - Việt Nam (2) Nhóm 1. Các chuyên đề chuyên sâu a. Nhóm các chuyên đề (2+2+3+3) 2. Chuyên sâu tự chọn bắt buộc (2+2+3+3+5) 16 - Nhân học (2) 15 - Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á (3) 14 - Đại cương lịch sử quan hệ quốc tế (4) 13 - Chủ nghĩa tư bản trong tiến trình lịch sử (3) 12 - Lịch sử thế giới hiện đại (4) 11 - Lịch sử thế giới cận đại (4) 10 - Lịch sử thế giới cổ trung đại (4) 9 - Lịch sử kinh tế Việt Nam (3) 8 - Lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam (3) 7 - Làng xã Việt Nam (3) 6 - Lịch sử Việt Nam hiện đại (4) 5 - Lịch sử Việt Nam cận đại (4) 4 - Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (4) 3 - Khảo cổ học đại cương (2) 2 - Lý luận Sử học (2) 1 - Thực tế LS (3) 1. Chuyên sâu bắt buộc			
CƠ SỞ CHUNG (TOÀN TRƯỞNG)		17	
4- Tin học / CC Tin học (2) - CC Ngoại ngữ - CCTC - CCQP 3- Phương pháp NCKH (2) 2- Tâm lý học (2) 1- Các HP lý luận chính trị (11)			
CƠ SỞ KHỐI NGÀNH		10	Mục tiêu CN KH (10TC) (chọn nhóm các HP chuyên sâu hoặc các HP cơ sở của thạc sĩ)
4- Lịch sử văn minh thế giới (3) 3- Cơ sở văn hoá Việt Nam (2) 2- Địa lý tài nguyên và môi trường (3) 1- Bản đồ học (2)			
KHỐI NGÀNH			
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG			

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, nhân cách và sức khỏe tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn vững chắc về khoa học lịch sử theo hướng tích hợp liên ngành, liên thông lên trình độ cao hơn; có khả năng dạy học và hoạt động giáo dục ở trung học phổ thông, cao đẳng và đại học; có khả năng nghiên cứu khoa học lịch sử và khoa học giáo dục, cũng như ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào thực tế nghề nghiệp và đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ và tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và truyền thông.

- Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, nâng cao, toàn diện về lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và lịch sử thế giới; nhận thức có tính hệ thống về sự kết nối giữa lịch sử dân tộc, khu vực và lịch sử thế giới.

1.2.2. Kỹ năng

* **Rèn luyện kỹ năng của chuyên môn:** Kỹ năng của môn Lịch sử như nhận diện và phân tích tư liệu lịch sử; tái hiện và trình bày lịch sử; các kỹ năng tư duy (phân tích, giải thích, so sánh, đánh giá...), kỹ năng vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn trên cơ sở kết nối quá khứ với hiện tại.

* **Rèn luyện kỹ năng sư phạm**

- Kỹ năng dạy học: Kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, phát triển chương trình và tài liệu sách giáo khoa; kỹ năng vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn Lịch sử; kỹ năng dạy học tích hợp, phối hợp, dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT...

- Kỹ năng giáo dục: Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục qua dạy học môn học Lịch sử; kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp; xử lý các tình huống giáo dục; tư vấn, tham vấn giáo dục; năng lực hỗ trợ học sinh tự đánh giá; kỹ năng xây dựng các mối quan hệ trong nhà trường và xã hội; xây dựng, thực hiện môi trường giáo dục dân chủ...

- Hình thành cho sinh viên kỹ năng kiểm tra đánh giá môn Lịch sử, các hoạt động giáo dục...

* **Phát triển kỹ năng định hướng phát triển cá nhân**

- Kỹ năng tự lực, tự học, hợp tác, giao tiếp; năng lực thích ứng với môi trường.

- Kỹ năng nghiên cứu khoa học để có thể nâng cao trình độ học vấn lên bậc Thạc sĩ hoặc cao hơn.

- Kỹ năng công tác xã hội, phát triển cộng đồng nghề.

- Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội.

- Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Khả năng tự làm việc với sách tham khảo bằng ngôn ngữ bản địa và phân nào bằng ngoại ngữ.

1.2.3. Thái độ

- Giúp sinh viên nhận thức quy luật khách quan về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc cũng như lịch sử thế giới, nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới, xây dựng nền tảng cơ bản để trở thành một công dân tốt, có cách ứng xử tốt đối với các vấn đề của toàn cầu.

- Khơi dậy ở sinh viên ước muốn khám phá thế giới xung quanh, giúp sinh viên **hiểu được tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng và năng lực lịch sử. Từ đó bồi dưỡng** cho sinh viên lòng yêu quê hương, đất nước, biết giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển bền vững.

- Sống tự chủ, trách nhiệm, nhân ái; làm việc theo hiến pháp, pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực

PLO1: *Phẩm chất nghề nghiệp*

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

PLO2. *Năng lực chung*

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính logic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo vệ ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

PLO3. *Năng lực chuyên môn*

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử và khoa học giáo dục lịch sử.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

- Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Trình bày được cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

- Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, khoa học giáo dục lịch sử trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

- Đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

PLO4. *Năng lực nghề nghiệp*

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

2.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THCS, THPT.
- Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học giáo dục.

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch....

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.

- Có khả năng tiếp tục học tập để đạt thêm chương trình Cử nhân Khoa học Lịch sử, chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Cử nhân Sư phạm Địa lý, Cử nhân Lịch sử - Du lịch và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ thuộc các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 ĐVTC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ bao gồm mô-đun kiến thức chung, mô-đun kiến thức cơ sở, chuyên ngành (các học phần bắt buộc, học phần tự chọn) và khóa luận (không kể khối kiến thức Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và các học phần tự chọn không bắt buộc).

5. Đối tượng tuyển sinh, khối thi

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Cách thức đánh giá

7.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

(Theo quy định Công tác học vụ của Trường)

a. Đánh giá điểm quá trình:

- Học phần lý thuyết: có trọng số 40% trong điểm đánh giá học phần.
- Học phần lý thuyết + thực hành: có trọng số 50% trong điểm đánh giá học phần.

TT	Hình thức	Hệ số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1.	Chuyên cần và thái độ học tập	1	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc.	5
2.	Kiểm tra hoặc bài tập lớn	2	- Có ít nhất 2 bài kiểm tra. Điểm kiểm tra là trung bình cộng của tất cả các bài kiểm tra. - Điểm bài tập lớn thay thế điểm kiểm tra.	
2.1.	Kiểm tra	2	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.	10
2.2.	Thực hành	2	Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài thực hành.	10
2.3.	Bài tập lớn	2	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn.	2
			Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	5
			Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong trình bày sản phẩm.	2
			Thể hiện ý tưởng sáng tạo.	1

b. Đánh giá kết thúc học phần:

- Học phần lý thuyết: có trọng số 60% trong điểm đánh giá học phần.
- Học phần lý thuyết + thực hành: có trọng số 50% trong điểm đánh giá học phần.

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
3	Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận	60% hoặc 50%		10

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
3.1	Thi kết thúc học phần		Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần.	10
3.2	Tiểu luận		Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn.	2
			Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	5
			Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong trình bày sản phẩm.	2
			Thể hiện ý tưởng sáng tạo.	1

* **Đối với học phần thực hành:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm hoặc viết bài thu hoạch thực tế chuyên môn theo yêu cầu của giảng viên. Điểm của học phần thực hành là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
I.	Mô-đun cơ sở chung			24	
1	POL91133	Triết học Mác-Lê nin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn; góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng duy vật. Học phần này gồm có 3 chương. Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3 (45/0/90)	LT
2	POL91142	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Cung cấp các kiến thức cơ bản về hàng hóa, thị trường, các quy luật kinh tế cơ bản, cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường tự do và các vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2 (30/0/60)	LT
3	POL91152	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Gồm những kiến thức cơ bản về nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó giúp người học có khả năng vận dụng hệ thống	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và lập trường tư tưởng vững vàng cũng như xây dựng ý thức trách nhiệm công dân.		
4	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những kiến thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 6 chương: Đối tượng, khái niệm, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 1); Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương 2). Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Chương 3); về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam (Chương 4); về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế (Chương 5); về văn hóa, đạo đức và con người (Chương 6).	2 (30/0/60)	LT
5	POL91302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.		
6	INF91402	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông). Các chuẩn cụ thể của học phần này được mô tả rõ trong các bảng sau trong thông tư này: a) Mô đun kỹ năng 01 (Mã IU01): Hiểu biết về CNTT cơ bản b) Mô đun kỹ năng 02 (Mã IU02): Sử dụng máy tính cơ bản c) Mô đun kỹ năng 03 (Mã IU03): Xử lý văn bản cơ bản d) Mô đun kỹ năng 04 (Mã IU04): Sử dụng bảng tính cơ bản đ) Mô đun kỹ năng 05 (Mã IU05): Sử dụng trình chiếu cơ bản e) Mô đun kỹ năng 06 (Mã IU06): Sử dụng Internet cơ bản	2 (15/30/60)	LT+TH
7	HIS91602	Phương pháp NCKH	Trang bị cho người học cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học chuyên ngành nói riêng. Nội dung của học phần bao gồm các vấn đề cơ bản: Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học; Quy trình thực hiện nghiên cứu khoa học; Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu trong khoa học Giáo dục và khoa học chuyên ngành.	2 (30/0/60)	LT
8	TL001012	Tâm lý học	Giúp sinh viên nắm vững được bản chất của tâm lý con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện hiện tượng tâm lý đó. Đồng thời tâm lý học cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập và	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			nghiên cứu các chuyên ngành của các khoa học tâm lý cũng như các môn học có liên quan.		
9	LAN91517	Ngoại ngữ		7*	LT
10	PED91715	Giáo dục thể chất		4*	
11	DEF91810	Giáo dục Quốc phòng-An ninh		165 tiết	
II	Mô-đun cơ sở khối ngành			10 (*)	
1	HIS03623	Lịch sử văn minh thế giới	Trình bày các nền văn minh chủ yếu của nhân loại từ thời cổ đại cho đến thời hiện đại, từ phương Đông đến phương Tây, thể hiện sự kế thừa, tiếp nhận của nền văn minh sau đối với nền văn minh trước, nhằm làm cho nền văn minh thế giới không ngừng tiến lên phía trước.	3 (45/0/90)	LT
2	HIS73312	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Học phần gồm có 4 nội dung lớn: Một số vấn đề chung về văn hóa học và điều kiện hình thành văn hoá Việt Nam; Diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; Những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam	2 (30/0/60)	LT
3	GEO04713	Địa lý tài nguyên và môi trường	Học phần gồm các khối kiến thức cơ bản: Các khái niệm và kiến thức chung về tài nguyên, môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, những thách thức về tài nguyên và môi trường trên TG và VN; Các kiến thức chung về tài nguyên thiên nhiên: khoáng sản, khí hậu, sinh vật và rừng, tài nguyên đất, nước, năng lượng và sự phát triển bền vững; Ô nhiễm môi trường; Vấn đề sử dụng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Phát triển bền vững.	3 (45/0/90)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
4	GEO03112	Bản đồ học	Bản đồ là một công cụ rất quan trọng trong khoa học Địa lí. Các kỹ năng về bản đồ rất cần thiết trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Địa lí. Nội dung chính của học phần này là: Những kiến thức khái quát về khoa học bản đồ như khái niệm, cấu trúc chuyên ngành, quá trình hình thành và phát triển, mối quan hệ với các khoa học khác; Những kiến thức khái quát về bản đồ địa lí: Khái niệm, các yếu tố, tính chất và ứng dụng của bản đồ; Những vấn đề về cơ sở toán học của bản đồ, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hóa và phân loại bản đồ; Những vấn đề về thành lập và sử dụng bản đồ.	2 (30/0/60)	LT
III	Mô-đun chuyên môn ngành			66	
A	Chuyên sâu bắt buộc			51	
1.	HIS04393	Thực tế lịch sử	Học phần rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực tế, thực địa lịch sử Việt Nam và lịch sử các nước Đông Nam Á. Qua đó, sinh viên được vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào hoạt động thực tiễn.	3 (10/35/90)	Thực hành
2.	HIS03112	Lý luận Sử học	Học phần gồm 4 chương đề cập những vấn đề cơ bản sau: Khái luận về phương pháp sử học; Sử học là một khoa học; Những quan điểm cơ bản về nhận thức lịch sử; Tiến trình phát triển của Sử học.	2 (30/0/60)	LT
3.	HIS83622	Khảo cổ học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa văn hóa nhân loại từ thời đại đá cũ đến tiền nhà nước. Đặc thù của khoa học khảo cổ là phục dựng lại đời sống của con người trong quá khứ thông qua việc nghiên cứu sử liệu vật thật trong bối cảnh tự nhiên và văn hóa. Vì thế, đây là một ngành khoa học luôn cố gắng đạt tới kết quả	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			khách quan cao nhất trong diễn giải quá khứ.		
4.	HIS04314	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Học phần bao gồm chương mở đầu giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam để làm tiền đề trước khi đi vào nghiên cứu tiến trình lịch sử Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm 21 chương cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản, hệ thống và toàn diện về tiến trình lịch sử trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, đối ngoại, kinh tế, xã hội, văn hóa của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến hết thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ.	4 (60/0/120)	LT
5.	HIS04324	Lịch sử Việt Nam cận đại	Học phần gồm các kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ khi Pháp xâm lược đến Cách mạng tháng Tám 1945; cụ thể: Việt Nam trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp; phong trào kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX; tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phong trào dân tộc dân chủ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1929; tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và phong trào cách mạng Việt Nam theo khuynh hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi.	4 (60/0/120)	LT
6.	HIS04334	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Trình bày tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại qua các thời kì: kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) và thời kì xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công cuộc đổi mới phát triển đất nước.	4 (60/0/120)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
7.	HIS04353	Làng xã Việt Nam	Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về làng xã Việt Nam trên các phương diện: quá trình hình thành, phát triển làng xã qua các thời kỳ lịch sử; tổ chức chính quyền cùng với kết cấu kinh tế và giá trị văn hóa đặc sắc của làng xã.	3 (35/10/90)	LT
8.	HIS04363	Lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam đặc sắc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, như quá trình hình thành và phát triển, những biểu hiện cụ thể, đặc điểm, ... Từ đó, học phần đề xuất những biện pháp để phát huy giá trị nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	3 (45/0/90)	LT
9.	HIS04373	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Qua đó, rút ra những thành tựu, hạn chế và đặc điểm cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay	3 (45/0/90)	LT
10.	HIS04614	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: - Xã hội loài người dưới chế độ cộng sản nguyên thủy; - Sự hình thành và phát triển của các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc cổ đại); - Sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ đại phương Tây (Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại) - Quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á) - Tây Âu thời thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại.	4 (60/0/120)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
11.	HIS04624	Lịch sử thế giới cận đại	Học phần đề cập đến những vấn đề chính sau: - Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của chủ nghĩa tư bản Âu - Mỹ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. - Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. - Quá trình xâm chiếm thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á - Phi - Mỹ Latinh.	4 (60/0/120)	LT
12.	HIS04634	Lịch sử thế giới hiện đại	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: - Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu; - Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản thông qua các nước tư bản chủ yếu ở châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật Bản từ 1918 đến nay; - Quá trình vận động và phát triển của phong trào công sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; - Quan hệ quốc tế thời kỳ hiện đại (1918 - nay); - Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.	4 (60/0/120)	LT
13.	HIS04453	Chủ nghĩa tư bản trong tiến trình lịch sử	Học phần trình bày, làm rõ quá trình hình thành và lịch sử phát triển của Chủ nghĩa tư bản từ thời cận đại thông qua sự thắng lợi của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với quan hệ sản xuất phong kiến (từ giữa thế kỷ XVI đến thập niên 50 - 60 thế kỷ XIX) cho thập niên đầu thế kỷ XXI.	3 (45/0/90)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			Thông qua đó, học phần làm rõ những biến đổi của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử, những mô hình tiêu biểu của chủ thể này. Những đóng góp, giới hạn, tiềm năng và thách thức đặt ra đối với nhân loại cũng được phân tích và nhấn mạnh.		
14.	HIS04643	Đại cương lịch sử quan hệ quốc tế	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: - Đối với thời kỳ cận đại: chuyên đề trình bày kiến thức về sự hình thành của quan hệ quốc tế trong thời kỳ đầu của lịch sử thế giới cận đại và Quan hệ quốc tế ở châu Âu từ Cách mạng Pháp đến Chiến tranh Pháp - Phổ (1789 - 1871); từ 30 năm cuối thế kỷ XIX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Đối với thời hiện đại, học phần cung cấp những kiến thức quan trọng về quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay, gồm: quan hệ quốc tế giai đoạn 1918 - 1945; quan hệ quốc tế 1945 - 1991; quan hệ quốc tế 1991 - 2000 và quan hệ quốc tế đầu thế kỷ XXI.	3 (45/0/90)	LT
15.	HIS04473	Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á	Trình bày về khu vực Đông Nam Á theo 2 mạch nội dung chính: Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á - Nội dung 1 trình bày về tiến trình lịch sử Đông Nam Á từ tiền sử đến hiện đại, những đặc trưng của khu vực và xu thế phát triển của các nước khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay, - Nội dung 2 trình bày về văn hóa Đông Nam Á trên những khía cạnh chủ yếu như: những đặc trưng và hằng số trong văn hóa bản địa Đông Nam Á; tiến trình phát triển của văn hóa Đông Nam Á; tính thống nhất	3 (45/0/90)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			trong đa dạng của văn hóa - lịch sử Đông Nam Á.		
16.	HIS83612	Nhân học	Nhân học, hiểu theo nghĩa rộng nhất, là ngành học nghiên cứu tổng hợp về bản chất con người, xã hội loài người trên các phương diện sinh học, xã hội, văn hoá của các cộng đồng dân tộc khác nhau, cả về quá khứ và hiện tại. Với thời lượng 2 tín chỉ, môn Nhân học đại cương sẽ được tập trung nhấn mạnh đến những nội dung: <i>Những vấn đề chung của Nhân học; Nguồn gốc và sự tiến hóa loài người về sinh học và văn hóa; Tộc người và những quá trình tộc người; Văn hóa; ngôn ngữ và nhân học ứng dụng.</i>	2 (30/0/60)	LT
B	Chuyên sâu tự chọn bắt buộc			15	
	Nhóm các chuyên đề (Tự chọn 1 trong 2 nhóm)				
	Nhóm 1: Các học phần chuyên sâu				
1.	HIS84772	Quan hệ ASEAN - Việt Nam	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: - Lịch sử hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN) từ năm 1967 đến nay. - Quan hệ ASEAN - Việt Nam qua các thời kỳ: trước năm 1967; 1967 - 1978; 1979 - 1991; 1991 - 1995, nhất là từ khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN (1995) đến nay. - Tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (AC-2015) và những đóng góp cũng như vị thế của Việt Nam trong tiến trình này.	2 (30/0/60)	LT
2.	HIS84783	Giáo dục địa phương	Nội dung học phần giới thiệu cho sinh viên khái niệm về vị trí, vai trò	3	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			của nội dung giáo dục của địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018), cũng như các hình thức, biện pháp dạy học nội dung lịch sử địa phương.	(45/0/90)	
3.	HIS84793	Biến chuyển xã hội Việt Nam thời cận hiện đại	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chọn lọc và nâng cao về quá trình chuyển biến của xã hội Việt Nam thời cận đại và hiện đại. Qua đó, rút ra những kết quả, hạn chế và đặc điểm cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.	3 (45/0/90)	LT
4.	HIS84712	Quan hệ giữa phương Tây với Đông Nam Á thế kỷ XVI - XIX	Học phần đề cập đến bối cảnh lịch sử của các nước Tây Âu cũng như các quốc gia Đông Nam Á dẫn đến mối quan hệ giữa phương Tây với các nước Đông Nam Á trong từng giai đoạn khác nhau từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, như là nguyên nhân của mối quan hệ này; Nội dung của mối quan hệ chủ yếu trên lĩnh vực chính trị - quân sự, kinh tế và văn hóa trên cơ sở trình bày một số nước phương Tây với các quốc gia Đông Nam Á; Hệ quả của mối quan hệ đối với các nước phương Tây và đối với các quốc gia Đông Nam Á.	2 (30/0/60)	LT
Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ					
1.	HIS02332	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	Học phần có 2 chương đề cập đến các nội dung: Cơ sở của việc tích hợp - phân hóa trong dạy học lịch sử; Những nội dung của các khoa học khác tích hợp - phân hóa trong dạy học lịch sử; Nguyên tắc và biện pháp thực hiện tích hợp - phân hóa; phương pháp dạy học phân hóa trong dạy học lịch sử.	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
2.	HIS84313	Cải cách trong lịch sử	Trình bày, làm rõ các cuộc cải tiêu biểu trong tiến trình lịch sử thế giới và Việt Nam. Thông qua việc phác dựng bối cảnh, nội dung, ý nghĩa và bài học lịch sử, học phần làm rõ thêm những mô hình xây dựng, chấn hưng đất nước trong những điều kiện khác nhau. Mặt khác, nội dung chuyên đề cũng nhấn mạnh tới việc so sánh các cuộc cải cách theo hướng đồng đại và lịch đại. Những cuộc cải cách của Việt Nam cũng được xâu chuỗi vào trong nội dung nhằm thấy được xu thế vận động của đất nước trong tiến trình lịch sử nhân loại.	3 (45/0/90)	LT
3.	HIS84323	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối đối ngoại của các thể chế ở Việt Nam trong bang giao với các nước trong khu vực và trên thế giới; phương thức tiến hành các mối bang giao đó và những kết quả đạt được qua từng thời kì, nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, xây dựng và phát triển đất nước.	3 (45/0/90)	LT
4.	HIS04652	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	Trình bày nhận thức chung về tiếp xúc văn hóa giữa Ấn Độ, Trung Quốc và các nước trong khu vực (khái niệm, cơ sở, con đường, diễn trình lịch sử ...); quá trình hình thành và phát triển các mối quan hệ giao lưu tiếp xúc trong lịch sử; các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực chữ viết, nhà nước và pháp luật, tư tưởng và tôn giáo, giáo dục và khoa cử văn học và nghệ thuật...	2 (30/0/60)	LT
		Khoá luận/Học phần thay thế khoá luận		5	
1.	HIS84953	Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay	Trình bày, làm rõ tiến trình lịch sử một quốc gia, dân tộc có nhiều ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển của nhân loại. Từ trường hợp lịch sử	3 (45/0/90)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			nước Mỹ sẽ cho thấy những xu hướng biến đổi, phản ánh bức tranh đa dạng của nhân loại từ sau Thế chiến thứ hai đến nay. Bổ sung tri thức lịch sử thế giới thông qua tìm hiểu một quốc gia. Dựa vào những lĩnh vực, như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội và ngoại giao, học phần sẽ giúp nhận thức một cách đầy đủ sự biến đổi diện mạo của nước Mỹ trong từng thời kỳ, lý giải nguồn gốc những biến đổi đó. Mặt khác, nó cũng định vị nước Mỹ trong tiến trình lịch sử thế giới đương đại.		
2.	HIS84963	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về biển đảo Việt Nam trên các phương diện: biển đảo trong lịch sử dựng nước và giữ nước; quá trình xác lập, thực thi chủ quyền biển đảo của các triều đại phong kiến; nguồn sử liệu về chủ quyền biển đảo thời phong kiến; và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên biển Đông trong thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI.	3 (45/0/90)	LT
3.	HIS84972	Kỹ thuật dạy học lịch sử	Nội dung học phần giới thiệu cho sinh viên khái niệm về kỹ thuật dạy học, phân biệt kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học; giới thiệu một số kỹ thuật dạy học cơ bản cũng như biện pháp sử dụng kỹ thuật dạy học trong các hoạt động dạy học..., từ đó sinh viên vận dụng vào các bài học lịch sử cụ thể.	2 (30/0/60)	LT
C	Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc				
	Nhóm 1: Các học phần lịch sử - địa lý				
1	HIS84812	Đô thị thế giới và Việt Nam	Trình bày lý luận chung về đô thị (khái niệm, phân loại, đối tượng nghiên cứu, nguồn gốc...); lịch sử hình thành và phát triển của các đô thị	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			trên thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại; phân tích cấu trúc, phân loại, chức năng, vai trò, hệ quả đặc trưng đô thị Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; dự báo triển vọng và các khuynh hướng phát triển đô thị trong tương lai gần.		
2	HIS84823	Lịch sử văn minh Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam (Văn minh Văn Lang – Âu Lạc, Văn minh Phù Nam, Văn minh Chăm pa, Văn minh Đại Việt). Bao gồm cơ sở hình thành, những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực: Tổ chức chính trị - Nhà nước, sinh hoạt kinh tế - đời sống vật chất, sinh hoạt xã hội – đời sống tinh thần.	3 (45/0/90)	LT
3	HIS84833	Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	Học phần cung cấp cho người học lý luận về phương tiện dạy học, phân loại và phương pháp sử dụng phương tiện dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	3 (45/0/90)	LT
4	HIS84842	Các cuộc phát kiến địa lý	Học phần Các cuộc phát kiến địa lý từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII của các nước Tây Âu cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về nguyên nhân, tiền đề, các cuộc phát kiến địa lý tiêu biểu và hệ quả của nó đối với nhân loại.	2 (30/0/60)	LT
Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ					
1	HIS84853	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	Gồm các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam từ khi hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam đến hiện nay cụ thể: Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành cho đến đầu thế kỷ X; Nhà	3 (45/0/90)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn phong kiến độc lập tự chủ (thế kỷ X - XIX); chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc (1884 - 1945) và nhà nước và pháp luật Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.		
2	HIS84862	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chọn lọc và nâng cao về triều Nguyễn và văn hóa Huế cùng phương pháp tiếp cận năng lực, người học có đủ khả năng để giải quyết những vấn đề có liên quan đến triều Nguyễn và văn hóa Huế.	2 (30/0/60)	LT
5	HIS84873	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	Học phần trình bày về quá trình hiện đại hoá đất nước Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1935 - 1945) đến ngày nay. Vốn là nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, cải cách đất nước, vươn lên trở thành siêu cường thứ hai thế giới (sau Mỹ) vào thập niên 70 của thế kỷ XX mà lịch sử gọi đây là “sự thần kỳ Nhật Bản”.	3 (45/0/90)	LT
6	HIS84872	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thập niên đầu Trung Quốc xây dựng chế độ mới (1949 - 1959); Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của Trung Quốc trong hai thập niên không ổn định (1959 - 1978); Các giai đoạn phát triển trong tiến trình cải cách, mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay; Mục tiêu chiến lược “xây dựng toàn diện xã hội khá giả” và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, chính sách đối ngoại của Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI.	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
Nhóm 3: Các học phần lịch sử - du lịch					
1.	HIS84613	Văn hóa du lịch	Học phần gồm có 4 nội dung lớn: Những vấn đề chung về văn hóa và du lịch; Những nội dung cơ bản của văn hóa và du lịch; Khai thác những giá trị văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch; Các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Việt Nam.	3 (45/0/90)	LT
2.	HIS84622	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	Hình thành tri thức lịch sử tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam cho sinh viên thông qua rèn luyện các năng lực nhận thức lịch sử văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, từ đó hình thành ở sinh viên những năng lực chung, năng lực nghề nghiệp đặc biệt là năng lực chuyên môn, tạo cho sinh viên có đủ điều kiện để dạy học, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội có liên quan về vấn đề lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng.	2 (30/0/60)	LT
3.	HIS84633	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	Môn học sẽ cung cấp cho người học các kiến thức từ tên gọi, nguồn gốc lịch sử, địa bàn cư trú, các đặc trưng văn hoá vật chất, tinh thần của các dân tộc kể cả dân tộc đa số và 53 thành phần dân tộc anh em đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó, giúp người học nhận thức được mặt tích cực và hạn chế của quá trình biến đổi văn hoá truyền thống các dân tộc và tìm ra được giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.	3 (45/0/90)	LT
4.	HIS84642	Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam	Học phần trình bày khái niệm di tích, di tích lịch sử, di tích văn hoá, các di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trên các phương diện địa lý, lịch sử và văn hoá.	2 (30/0/60)	LT
IV	Mô-đun nghiệp vụ ngành				

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
A	<i>Nghiệp vụ bắt buộc</i>			23	
1	TL001022	Tâm lý học nghề nghiệp	giúp sinh viên nắm được đặc điểm tâm lý của học sinh, đặc điểm tâm lý hoạt động dạy học, giáo dục và đặc điểm tâm lý học nhân cách người giáo viên. Trong học phần này gồm 5 chương. Chương 1: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Chương 2: Tâm lý học lứa tuổi học sinh; Chương 3: Cơ sở tâm lý của hoạt động học dạy học và giáo dục; Chương 4: Tâm lý học nhân cách người giáo viên. Ngoài ra học phần này còn một số bài tập thực hành giúp người học vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lý giải về tâm lý lứa tuổi học sinh cũng như tâm lý của hoạt động dạy học, giáo dục	2 (30/0/60)	LT
2	HIS92212	Rèn luyện nghiệp vụ	Học phần nhằm rèn luyện những kỹ năng cần thiết như kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng sử dụng phương tiện và tư liệu dạy học; tổ chức dạy học theo nhóm; khai thác tài liệu trên Internet và sử dụng một số phần mềm trong dạy học lịch sử... giúp hình thành và phát triển cho SV năng lực dạy học bộ môn.	2 (0/60/120)	TH
3	HIS92152	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Học phần nghiên cứu lý luận và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm. Học xong học phần này, người học có thể hiểu khái niệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm; Xác định được hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hình thành kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm. Đồng thời hình thành và phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm.	2 (10/20/120)	TH

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
4	HIS92192	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Nội dung của Học phần gồm các vấn đề sau: - Mục đích, ý nghĩa, những yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục học sinh - Các khái niệm: kiểm tra, đo lường, lượng giá và đánh giá trong GD - Kỹ thuật và các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh: quan sát, vấn đáp, tự luận, trình diễn, tự đánh giá, trắc nghiệm...	2 (15/15/50)	LT
5	HIS94012	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	Học phần Phát triển CT dạy học bộ môn bao gồm hai phần: Phần 1: Những vấn đề chung về phát triển chương trình: Các khái niệm cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục; Quy trình phát triển chương trình giáo dục. Phần 2: Phân tích chương trình môn Lịch sử THPT và chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS (2018).	2 (30/0/60)	LT
6	TL001032	Giáo dục học 1	Cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học và khối kiến thức về lý luận dạy học và lý luận giáo dục	2 (30/0/60)	LT
7	TL001042	Giáo dục học 2	Cung cấp cho sinh viên các khoa cơ bản ngành Sư phạm hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà trường phổ thông trung học, người giáo viên phổ thông trung học và công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông trung học theo hướng tiếp cận các quan điểm đổi mới giáo dục hiện nay và tiếp cận phát triển năng lực của người học, giúp sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình nghiên cứu, học tập. Trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận vào thực tiễn giáo dục trong các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác, đồng thời hình	2 (30/0/60)	LT

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			thành thái độ tích cực học tập, nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục, vận dụng lý thuyết giáo dục vào thực tiễn trường học, góp phần nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên tương lai.		
8	HIS02313	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử	Nội dung học phần gồm 4 chương tập trung làm rõ các nội dung: Phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Sách giáo khoa Lịch sử; Chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông; Con đường hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.	3 (45/0/90)	LT
9	HIS02353	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	Học phần gồm 3 chương đề cập đến các nội dung: Khái niệm, phân loại phương pháp dạy học lịch sử; hệ thống phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lịch sử, thiết kế kế hoạch dạy học và thực hành dạy học lịch sử ở trường phổ thông..., từ đó hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.	4 (*) (60/0/120)	LT
	HIS92242	Thực hành dạy học	Nội dung học phần tập trung vào thực hành các nhiệm vụ dạy học cơ bản như: thực hành soạn giảng bài dạy học lí thuyết (bài theo nội dung đơn vị bài học, bài theo chủ đề liên môn,...); thực hành soạn giảng bài thực hành lịch sử; thực hành soạn giảng bài ôn tập lịch sử; thực hành soạn giảng bài hoạt động trải nghiệm.	2 (16/44/120)	TH
V	Thực hành nghề nghiệp			7	
1	HUC92252	Thực tập sư phạm 1	- Tìm hiểu về quy chế hoạt động thực tiễn của một trường phổ thông cũng như hoạt động của tổ chuyên môn. - Hình thành năng lực phân tích các điều kiện có ảnh hưởng đến quá	2	TH

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả tóm tắt nội dung, kết quả cần đạt	Khối lượng TC (LT/ TH /tự học)	Tính chất HP
			trình dạy học bộ môn. - Thiết kế bài dạy bộ môn theo đạt yêu cầu theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.		
2	HUC92285	Thực tập sư phạm 2	- Vận dụng thành thạo những tri thức khoa học chuyên ngành và tri thức giáo dục được trang bị ở trường đại học vào hoạt động giáo dục thực tiễn ở trường thực tập. - Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học; kế hoạch giáo dục cá nhân; kế hoạch dự giờ; chương trình hoạt động giáo dục... theo học kì/năm học. - Thực hành giảng dạy và tham gia trực tiếp thực hiện vai trò của giáo viên chủ nhiệm.	5	TH
Tổng số tín chỉ toàn khóa				130	

9. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I.	Mô-đun kiến thức chung		24													
1	POL91133	Triết học Mác-Lê nin	3	1		LT			3							
2	POL91142	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	1		LT				2						
3	POL91152	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1		LT				2						
4	POL91202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1		LT					2					
5	POL91302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1		LT						2				
6	INF91402	Tin học đại cương	2	1		LT+TH			2							

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện								
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
7	HIS91602	Phương pháp NCKH	2	1		LT				2							
8	TL001012	Tâm lý học	2	1		LT				2							
9	LAN91537	Ngoại ngữ	7	1					2	2	3						
10	PED91715	Giáo dục thể chất	4*	1													
11	DEF91810	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	165t	1													
II	Mô-đun cơ sở khối ngành		10														
1	HIS03623	Lịch sử văn minh thế giới	3	1		LT	HIS04634								3		
2	HIS73312	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1		LT			2								
3	GEO04713	Địa lý tài nguyên và môi trường	3	1		LT			3								
4	GEO03112	Bản đồ học	2	1		LT				2							
III	Mô-đun chuyên môn ngành		66														
A	Chuyên sâu bắt buộc		51	1													
1	HIS04393	Thực tế lịch sử	3	1		TH	HIS04334								3		
2	HIS03112	Lý luận Sử học	2	1		LT				2							
3	HIS83622	Khảo cổ học đại cương	2	1		LT					2						
4	HIS04314	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	1		LT				4							
5	HIS04324	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	1		LT	HIS04314					4					
6	HIS04334	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	1		LT	HIS04324						4				
7	HIS04353	Làng xã Việt Nam	3	1		LT						3					
8	HIS04343	LS nghệ thuật quân sự Việt Nam	3	1		LT	HIS04334								3		
9	HIS04303	Lịch sử kinh tế Việt Nam	3	1		LT	HIS04334									3	
10	HIS04614	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	1		LT			4								
11	HIS04624	Lịch sử thế giới cận đại	4	1		LT	HIS04614				4						
12	HIS04634	Lịch sử thế giới hiện đại	4	1		LT	HIS04624						4				

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
13	HIS54173	Chủ nghĩa tư bản trong tiến trình lịch sử	3	1		LT								3		
14	HIS04643	Đại cương lịch sử quan hệ quốc tế	3	1		LT	HIS04634					3				
15	HIS84553	Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á	3	1		LT					3					
16	HIS83612	Nhân học	2	1		LT							2			
B	Chuyên sâu tự chọn bắt buộc		15		2											
	<i>Nhóm các chuyên đề (Tự chọn 1 trong 2 nhóm)</i>		<i>10</i>		<i>2</i>											
	Nhóm 1: Các học phần chuyên sâu				2											
1	HIS84772	Quan hệ ASEAN - Việt Nam	2		2	LT	HIS04624							2		
2	HIS84783	Giáo dục địa phương	3		2	LT								3		
3	HIS84793	Biến chuyển xã hội Việt Nam thời cận hiện đại	3		2	LT	HIS04334							3		
4	HIS84712	Quan hệ giữa phương Tây với Đông Nam Á thế kỷ XVI - XIX	2		2	LT	HIS04624							2		
	Nhóm 2: Các học phần liên thông thạc sĩ				2											
1	HIS02332	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2		2	LT								2		
2	HIS84313	Cải cách trong lịch sử	3		2	LT								3		
3	HIS84323	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3		2	LT	HIS04334							3		
4	HIS04652	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	2		2	LT	HIS04614							2		
	<i>Khoá luận/Học phần thay thế khoá luận</i>		<i>5</i>		<i>2</i>											
1	HIS84953	Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay	3		2	LT									3	
2	HIS84963	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	3		2	LT									3	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện							
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
3	HIS84972	Kỹ thuật dạy học lịch sử	2		2	LT										2
C	Chuyên sâu tự chọn không bắt buộc															
	<i>Các học phần lịch sử - địa lý</i>															
1	HIS84712	Đô thị thế giới và Việt Nam	2		3	LT										
2	HIS84723	Lịch sử văn minh Việt Nam	3		3	LT										
3	HIS84733	Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	3		3	LT										
4	HIS84742	Các cuộc phát kiến địa lý	2		3	LT										
	<i>Các học phần liên thông thạc sĩ</i>															
1	HIS84753	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3		3	LT										
2	HIS84762	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2		3	LT	HIS04324									
3	HIS84773	Quá trình hiện đại hóa Nhật Bản từ 1945 đến nay	3		3	LT	HIS04634									
4	HIS84772	Tiến trình phát triển của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	2		3	LT	HIS04624									
	<i>Các học phần lịch sử - du lịch</i>															
1	HIS84633	Văn hóa du lịch	3		3	LT										
2	HIS84642	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	2		3	LT										
3	HIS84653	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3		3	LT										
4	HIS84662	Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam	2		3	LT										
IV	Mô-đun nghiệp vụ ngành		23													
1	TL001022	Tâm lý học nghề nghiệp	2	1		LT				2						

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tính chất HP	HP tiên quyết	HP song hành	Học kỳ thực hiện									
									I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII		
2	HIS92212	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	1		LT					2							
3	HIS92152	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	1		LT						2						
4	HIS92192	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	1		LT							2					
5	HIS94012	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	2	1		LT									2			
6	TL001032	Giáo dục học 1	2	1		LT					2							
7	TL001042	Giáo dục học 2	2	1		LT						2						
8	HIS02313	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử	3	1		LT							3					
9	HIS02353	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	4(*)	1		LT									4			
10	HIS92242	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	2			TH											2	
V	Thực hành nghề nghiệp		7	1														
1	HUC92252	Thực tập sư phạm 1	2	1		TH								2				
2	HUC92285	Thực tập sư phạm 2	5	1		TH											5	
	Tổng số tín chỉ toàn khóa		130								16	18	17	16	18	17	18	10

10. Ma trận mô tả quan hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với học phần

0: Không đóng góp; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
1.	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	3	3
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	0	0	0	0	0
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1	2	1	3	2	0	1	3	0	3	0	1	1	1	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
6.	Tin học đại cương	1	0	0	0	0	0	2	0	2	2	2	0	1	0	0	0
7.	Phương pháp NCKH	1	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	0	0	0	0
8.	Tâm lý học	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	2
9.	Ngoại ngữ																
10.	Giáo dục thể chất																
11.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh																
12.	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	2	1	1	3	1	1	1	1	1	1	3	0	1	1
13.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
14.	Địa lý tài nguyên và môi trường	0	0	2	2	0	0	0	0	3	0	2	0	0	0	0	0
15.	Bản đồ học	0	2	0	2	1	1	0	1	0	0	1	1	1	1	1	0
16.	Thực tế lịch sử	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2	2
17.	Lý luận Sử học	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
18.	Khảo cổ học đại cương	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
19.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
20.	Lịch sử Việt Nam cận đại	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
21.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	2	1	1	1	0
22.	Làng xã Việt Nam	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
23.	Lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	1	2	1	2	3	3	2	0	3	1	3	3	1	1	1	0
24.	Lịch sử kinh tế Việt Nam	1	3	1	2	2	2	2	1	3	2	2	2	3	2	3	1
25.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	0
26.	Lịch sử thế giới cận đại	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
27.	Lịch sử thế giới hiện đại	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	0
28.	Chủ nghĩa tư bản trong tiến trình lịch sử	1	1	2	2	2	3	1	1	3	1	3	2	2	1	1	1
29.	Đại cương lịch sử quan hệ quốc tế	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	0
30.	Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
31.	Nhân học	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
32.	Quan hệ ASEAN - Việt Nam	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	1
33.	Giáo dục địa phương	3	3	1	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	1
34.	Biến chuyển xã hội Việt Nam thời cận hiện đại	3	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	2	1	1	1	0
35.	Quan hệ giữa phương Tây với Đông Nam Á thế kỷ XVI - XIX	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
36.	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
37.	Cải cách trong lịch sử	1	1	2	2	2	3	1	1	3	1	3	2	2	1	1	1
38.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	2	2	2	2	2	2	0	3	2	2	2	1	1	1	0
39.	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	1	3	3	3	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	3	0
40.	Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay	1	1	2	2	2	3	1	1	3	1	3	2	2	1	1	1
41.	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
42.	Kỹ thuật dạy học	3	3	2	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
43.	Đô thị thế giới và Việt Nam	1	1	1	0	1	1	1	1	3	1	3	3	1	0	0	1
44.	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
45.	Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	3	3	2	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	3
46.	Các cuộc phát kiến địa lý	1	1	1	0	1	1	1	1	3	1	3	3	1	0	0	1
47.	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	2	3	2	3	2	2	0	0	3	2	3	2	2	0	3	0
48.	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
49.	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	1	1	1	0	1	1	1	1	3	1	3	3	1	0	0	1
50.	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	1	3	3	3	2	2	2	0	3	0	2	2	2	0	3	1
51.	Văn hóa du lịch	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
52.	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
53.	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
54.	Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	3	3	3	3	2
55.	Tâm lý học nghề nghiệp																
56.	Rèn luyện nghiệp vụ	3	3	3	3	0	0	2	0	0	0	0	0	3	0	3	0
57.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0	0	0		
58.	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	1	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO1		PLO2						PLO3				PLO4			
		1	2	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	1	2	3	4
59.	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	3	3	2	2	2	2	2	0	0	0	3	0	0	0	0	0
60.	Giáo dục học 1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	2	2	2	2	2
61.	Giáo dục học 2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	3	3	0	0	0
62.	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử	3	3	0	2	2	3	0	0	1	0	0	0	2	0	3	0
63.	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	3	3	2	2	2	2	2	0	2	2	2	3	3	2	2	3
64.	Thực hành dạy học	2	2	3	3	3	2	3	1	1	2	1	3	1	3	2	2
65.	Thực tập sư phạm 1	2	3	2	3	3	3	2	1	2	3	3	1	3	1	2	1
66.	Thực tập sư phạm 2	2	3	2	3	3	3	2	1	2	3	3	1	3	1	2	1

11. Điều kiện thực hiện chương trình

11.1. Tài liệu học tập

1. Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phạm Viêt Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (Giáo trình dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Phạm Phúc Vĩnh (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử*, Nxb ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, HCM.
5. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (1998), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội.
6. Vũ Dương Ninh (chủ biên), Phan văn Ban, Nguyễn Văn Tân, Trần Thị Vinh (2005), *Lịch sử quan hệ quốc tế* (tập 1), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2008), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Vũ Dương Ninh (chủ biên), Phan văn Ban, Nguyễn Văn Tân, Trần Thị Vinh (2005), *Lịch sử quan hệ quốc tế* (tập 1), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Vũ Dương Ninh (2014), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
10. Lê Phụng Hoàng (chủ biên) (2000), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội.
11. Các tác giả (1995), *Almanach những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh... (2002), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội
14. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý (2001), *Lịch sử Trung Quốc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Hoàng Thị Minh Hoa (chủ biên), Trần Thị Vinh, Lê Thành Nam (2012), *Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại*, Đại học Sư phạm Huế.
16. Lê Văn Anh, Hoàng Thị Minh Hoa (Đồng Chủ biên) (2016), Bùi Thị Thảo, Nguyễn Tuấn Bình, *Quan hệ quốc tế thời hiện đại*, NXB Đại học Huế, Huế.
17. Lê Văn Anh (chủ biên), Bùi Thị Thảo (2017), *Một số vấn đề về Chủ nghĩa xã hội hiện thực*, Nxb ĐH Huế, Huế.
18. Hoàng Thị Minh Hoa (2000), *Cải cách dân chủ Nhật Bản (1945-1951)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

19. Lê Cung (chủ biên) (1997), *Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. Lê Cung (Chủ biên), Nguyễn Văn Hoa, Hoàng Chí Hiếu (2013), *Giáo trình lịch sử Việt Nam hiện đại 1954-2010*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Thị Vinh, Đinh Thị Dung (2003), (2007), *Bài giảng Lịch sử thế giới cận đại*, tập 1, tập 2, ĐH Sư phạm Huế.
22. Trần Thị Vinh (CB), Lê Văn Anh (2008), *Giáo trình Lịch sử thế giới hiện đại*, Quyển 2, Nxb. ĐH Sư phạm Hà Nội.
23. Trần Thị Vinh (2011), *Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX, thập niên đầu thế XXI – một cách tiếp cận lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
24. Đinh Ngọc Bảo (Chủ biên) (2010), *Giáo trình Khảo cổ học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội
25. Hán Văn Khân (Chủ biên) (2008), *Cơ sở Khảo cổ học*, Nxb ĐHQG Hà Nội
26. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên) (1989), *Văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Vũ Quý (1991), *Văn hóa Sa Huỳnh*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội
28. Hà Văn Tấn (chủ biên) (1994), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Đặng Văn Chương (chủ biên), Nguyễn Thị Ty, Trần Đình Hùng (2014), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Đại học Huế
30. Đặng Văn Chương (CB), Trần Đình Hùng, Trần Thị Quế Châu, Lê Thị Quý Đức (2017), *Chính sách “đóng cửa” và “mở cửa” của một số quốc gia Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
31. Chiêm Tế (2000), *Lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1 và tập 2, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
32. Lương Ninh (chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
33. Lương Ninh (chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
34. Nguyễn Thanh Nhã (2015), *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII – XVIII*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
35. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội
36. Lê Văn Anh (chủ biên) (2013), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb ĐH Huế, Huế.
37. Nguyễn Văn Tân, Lê Văn Anh (2001), *Giáo trình Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
38. Lê Văn Quang (2001), *Lịch sử quan hệ quốc tế (1917-1945)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
39. Hà Mỹ Hương (2006), *Nước Nga trên trường quốc tế hôm qua, hôm nay và ngày mai*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Huy Quý (2001), *Lịch sử Trung Quốc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
41. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), *Đại cương lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội
42. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh... (2002), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
43. M. Beau (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000* (Huyền Giang dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội
44. Lê Thành Nam (2013), *Bài giảng chuyên đề Cách mạng tư sản thời cận đại*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
45. Nguyễn Khắc Thân (2002), *Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (Đồng CB) (2018), *Thuật ngữ Quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. HN.
47. Phạm Quang Minh (Đồng CB) (2014), *Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.
48. Huỳnh Công Bá (2012), *Giáo trình lịch sử Việt Nam cổ trung đại*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
49. Đào Duy Anh (1997), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
50. Nguyễn Văn Kim (2011), *Việt Nam trong thế giới Đông Á một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2000), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII – XIX*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội.
53. Nguyễn Quang Ngọc (2018), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa, Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. Nhiều tác giả (1981), *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên) (1998), *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập I*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
56. Trương Hữu Quýnh (1982), *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI – XVIII*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
57. Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền, công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội.
58. Ban Biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam (2008), *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1945-2005)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

59. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 10, 11, 12, 13, 14*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
60. Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập X, XI, XII, XIII, XIV, XV*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
61. Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia.
62. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Bùi Xuân Đính (2005), *Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt Nam những suy ngẫm*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
64. Vũ Ngọc Khánh (2018), *Văn hóa làng ở Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
65. Hoàng Minh Thảo (2004), *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
66. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. Nhiều tác giả (2005), *Cách mạng tháng Tám trong tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, 14 tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Trí Dĩnh (CB) (2013), *Giáo trình lịch sử kinh tế*, (Tái bản lần thứ nhất có sửa đổi bổ sung), Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
70. Trương Công Huỳnh Kỳ (CB), Đỗ Mạnh Hùng (2019), *Kinh tế, xã hội Việt Nam thời cận đại và sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam...*, Nxb Đại học Huế.
71. Đặng Phong (2002), *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, 3 tập, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
72. Lê Văn Quang (2001), *Lịch sử quan hệ quốc tế (1917-1945)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
73. Phạm Quang Minh (Đồng CB) (2014), *Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.
74. D.G.E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
75. Mai Ngọc Chừ (1998), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
76. W. Durant (2002), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.
77. W. Durrant (2002), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, NXB Văn hóa Thông tin.
78. Andrew Nahm (2006), *Lịch sử - văn hóa bán đảo Triều Tiên*, NXB Thế giới.
79. Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
80. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1997), *Lược sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

81. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1995), *Lịch sử Nhật Bản*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
82. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), *Phương pháp dạy học lịch sử*, Tập 1, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
83. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), *Phương pháp dạy học lịch sử*, Tập 2, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
84. Phạm Đức Thành (Chủ biên, 1998), *Việt Nam- ASEAN: Cơ hội và thách thức*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
85. Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh (1999), *Địa lý Đông Nam Á (Những vấn đề kinh tế - xã hội)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
86. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2018), *Lý luận DH hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và PPDH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
87. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
88. Nguyễn Văn Khánh (1999), *Cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
89. Nguyễn Đình Lê (1999), *Biến đổi cơ cấu giai cấp xã hội miền Bắc trong giai đoạn lịch sử (1954-1975)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
90. Nguyễn Đình Lê, Phan Hải Vân (2017), *Một số vấn đề biến đổi kinh tế, xã hội Việt Nam (1986-2000)*, Nxb Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
91. Nguyễn Đình Lê (CB), Phan Hải Vân (2019), *Biến chuyển xã hội miền Nam Việt Nam 1954-1975*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
92. Văn Tạo (2000), *Sử học và hiện thực*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
93. Đinh Công Tuấn (1997), *Quá trình cải cách kinh tế - xã hội của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (từ 1978 đến nay)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
94. Nguyễn Lương Bích (2000), *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
95. Nguyễn Thế Long (2005), *Bang giao Đại Việt*, tập 1, 2, 3, 4, 5, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
96. Lưu Văn Lợi (1998), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam*, 2 tập, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
97. Nguyễn Đình Bin (CB) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
98. Nguyễn Trường Tân (2011), *Tìm hiểu văn hóa Nhật Bản*, NXB Văn hóa Thông tin.
99. Nguyễn Nghị, Lê Minh Đức (1994), *Lịch sử nước Mỹ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
100. Lê Thành Nam, *Chính sách của Mỹ đối với các nước châu Âu trong việc mở*

rộng lãnh thổ thời cận đại, Nxb Đại học Huế, Huế.

101. Irwin Unger (2005), *Lịch sử Hoa Kỳ - những vấn đề quá khứ* (Người dịch: Nguyễn Kim Dân dịch), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

102. Nguyễn Thanh Minh (2018), *Chính sách biển của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

103. Nguyễn Trung Chiến (2015), *Tiếp cận văn hóa biển tiền sử Việt Nam qua các bài nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

104. Vũ Tự Lập (2007), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

105. Hãn Nguyên Nguyễn Nhã (2013), *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, NXB Giáo dục Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.

106. Nhiều tác giả (2011), *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

107. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2018), *Lý luận DH hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và PPDH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

108. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) (2017), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật DH*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

109. Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga (chủ biên) (2015), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

110. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, NXB Văn hóa - Thông tin.

111. Nguyễn Minh Tường (2015), *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

112. Viện Sử học (2007), *Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

113. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2012), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

114. Nguyễn Văn Kim, (2003), *Nhật Bản với châu Á – Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

115. Vĩnh Sinh (2014), *Nhật Bản cận đại*, NXB Lao động, Hà Nội.

116. Dương Phú Hiệp (CB), 1996. *Con đường phát triển của một số nước châu Á – Thái Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN.

117. Lê Hữu Tầng, Lưu Hàm Nhạc (Đồng CB) (2002). *Nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế ở Việt Nam và cải cách kinh tế ở Trung Quốc*. Nxb. Chính trị Quốc gia, HN.

118. Nguyễn Minh Hằng (1995), *Cải cách kinh tế ở CHND Trung Quốc - Lựa chọn mới cho sự phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

119. Nguyễn Phúc Chính (Chủ biên), Nguyễn Như Át (2014). *Giáo trình phát triển chương trình, sách giáo khoa sinh học phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

11.2. Đội ngũ giảng viên

- **Tổng số giảng viên cơ hữu 17 tham gia thực hiện chương trình đào tạo**
- + **Tổng số thạc sĩ cùng ngành, ngành gần: 03**
- + **Tổng số tiến sĩ cùng ngành, ngành gần: 14**

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
1.	Triết học Mác-Lê nin	3	Khoa GDCT, ĐHSP		x			
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	Khoa GDCT, ĐHSP		x			
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa GDCT, ĐHSP		x			
-	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa GDCT, ĐHSP		x			
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa GDCT, ĐHSP		x			
5.	Tin học đại cương	2	Khoa Tin học, ĐHSP		x			
6.	Phương pháp NCKH	2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới	X			
			PGS.TS. Lê Thành Nam	Lịch sử thế giới	X			
7.	Tâm lý học	2	Khoa TL&GD, ĐHSP		x			
8.	Ngoại ngữ	7	Tr. ĐHNN, ĐH Huế			x		
9.	Giáo dục thể chất	4	Khoa GDTC, ĐH Huế			x		
10.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	165	TT GDQP, ĐH Huế			x		
11.	Lịch sử văn minh thế giới	3	TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới	X			
			ThS. Nguyễn Thị Ty	Lịch sử thế giới	X			
12.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam		X		
			PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam	X			
13.	Địa lý tài nguyên và môi trường	3	TS. Lê Phúc Chi Lãng	Địa lý Tự nhiên		X		
			PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn	Địa lý Tự nhiên		X		
14.	Bản đồ học	2	ThS. Nguyễn Trọng Quân	Địa lí KT - XH và bản đồ		X		
			TS. Lê Văn Tin	Địa lí KT - XH và bản đồ		X		
15.	Thực tế lịch sử	2	PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ	Lịch sử Việt Nam	X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu PGS.TS. Đặng Văn Chương	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
16.	Lý luận Sử học	2	TS. Nguyễn Đức Cường Th.s Trần Thị Hải Lê PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X X		X	
17.	Khảo cổ học đại cương	2	TS. Trần Thị Quế Châu PGS.TS Đặng Văn Chương	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
18.	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	Th.S Lê Thị Hoài Thanh PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
19.	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng TS. Đỗ Mạnh Hùng	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X		X	
20.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu TS. Nguyễn Văn Hoa	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
21.	Làng xã Việt Nam	4	PGS.TS Trương Công Huỳnh Kỳ Th.S Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
22.	Lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	3	ThS. Lê Thị Hoài Thanh PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X X			
23.	Lịch sử kinh tế Việt Nam	3	ThS. Lê Thị Hoài Thanh PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
24.	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	PGS.TS. Đặng Văn Chương Th.S Nguyễn Thị Ty TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
25.	Lịch sử thế giới cận đại	4	TS. Lê Thị Quý Đức PGS. TS. Lê Thành Nam TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
26.	Lịch sử thế giới hiện đại	4	PGS.TS. Lê Văn Anh PGS.TS. Bùi Thị Thảo	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
27.	Chủ nghĩa tư bản trong tiến trình lịch sử	3	PGS.TS. Lê Thành Nam PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
28.	Đại cương lịch sử quan hệ quốc tế	3	PGS.TS. Bùi Thị Thảo PGS.TS. Lê Văn Anh TS. Nguyễn Tuấn Bình	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
29.	Lịch sử, văn hoá Đông Nam Á	3	PGS. TS. Đặng Văn Chương TS. Lê Thị Quý Đức	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
30.	Nhân học	2	TS. Trần Thị Quế Châu Th.S Nguyễn Thị Ty	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
31.	Quan hệ ASEAN - Việt Nam	2	PGS. TS. Bùi Thị Thảo Th.S. Nguyễn Thị Ty PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
32.	Giáo dục địa phương	3	Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS	X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X	X		
33.	Biến chuyển xã hội Việt Nam thời cận hiện đại	3	PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
34.	Quan hệ giữa phương Tây với Đông Nam Á thế kỷ XVI - XIX	2	PGS.TS. Đặng Văn Chương TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới				
35.	Tích hợp và phân hoá trong dạy học lịch sử	2	TS. Nguyễn Đức Cường Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X			
36.	Cải cách trong lịch sử	3	PGS.TS. Lê Thành Nam TS. Lê Thị Quý Đức PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử Việt Nam	X X X			
37.	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
38.	Tiếp xúc văn hoá giữa Ấn Độ, Trung Quốc với các nước trong khu vực	2	PGS.TS. Đặng Văn Chương Th.S Nguyễn Thị Ty TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
39.	Hoa Kỳ từ năm 1945 đến nay	3	PGS.TS. Lê Thành Nam PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
40.	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong lịch sử	3	PGS.TS Hoàng Chí Hiếu Th.S Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
41.	Kỹ thuật dạy học	2	Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS	X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
			TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X	X		
42.	Đô thị thế giới và Việt Nam	2	TS. Nguyễn Tuấn Bình PGS.TS. Đặng Văn Chương	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
43.	Lịch sử văn minh Việt Nam	3	ThS. Lê Thị Hoài Thanh PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
44.	Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học môn Lịch sử - Địa lý THCS	3	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường TS. Nguyễn Thị Hiền	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn ĐL	X X	X		
45.	Các cuộc phát kiến địa lý	2	PGS.TS. Đặng Văn Chương Th.S Nguyễn Thị Ty TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X X			
46.	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3	TS. Đỗ Mạnh Hùng ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam			X	
47.	Triều Nguyễn và văn hoá Huế	2	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng TS. Nguyễn Văn Hoa	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X X			
48.	Quá trình hiện đại hoá Nhật Bản từ 1945 đến nay	3	TS. Nguyễn Tuấn Bình PGS.TS. Bùi Thị Thảo	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			
49.	Tiến trình phát triển của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa từ thành lập nước đến nay	2	PGS. TS. Bùi Thị Thảo PGS.TS. Lê Văn Anh	Lịch sử thế giới Lịch sử thế giới	X X			

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
50.	Văn hóa du lịch	3	TS. Đỗ Mạnh Hùng PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam			X	
51.	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	2	PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X			
52.	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3	PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng TS. Trần Thị Quế Châu	Lịch sử Việt Nam Lịch sử thế giới	X			
53.	Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam	2	PGS.TS. Hoàng Chí Hiếu ThS. Lê Thị Hoài Thanh	Lịch sử Việt Nam Lịch sử Việt Nam	X			
54.	Tâm lý học nghề nghiệp	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		
55.	Rèn luyện nghiệp vụ	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X		X	
56.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	TS. GVC. Nguyễn Thị Ngọc Bé TS.GVC. Nguyễn Tuấn Vĩnh ThS. Mai Thị Thanh Thủy			X X X		
57.	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	TS. Nguyễn Đức Cường Th.s Trần Thị Hải Lê	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X			
58.	Phát triển chương trình dạy học bộ môn	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X		X	
59.	Giáo dục học 1	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		

TT	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên	Chuyên môn	Đơn vị công tác			
					1	2	3	4
60.	Giáo dục học 2	2	Khoa TL&GD, Tr. ĐHSP			x		
61.	Lý luận dạy học bộ môn Lịch sử	3	PGS.TS Nguyễn Thành Nhân Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X X	X		
62.	Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	4	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X X		X	
63.	Thực hành dạy học	2	Th.s Trần Thị Hải Lê TS. Nguyễn Đức Cường PGS.TS Nguyễn Thành Nhân	LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS LL và PPDH bộ môn LS	X X X		X	
64.	Thực tập sư phạm 1	2						
65.	Thực tập sư phạm 2	5						

11.3. Cơ sở vật chất

Trường có hệ thống phòng học và phòng thực hành đảm bảo thực hiện các nội dung trong chương trình đào tạo của ngành...

- Phòng học, giảng đường, hội trường: 95 phòng với diện tích 8.437 m²
- Phòng thực hành máy tính: 13 phòng với trên 800 máy
- Thiết bị phục vụ đào tạo đầy đủ.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Mô-đun cơ sở chung học trước, mô-đun cơ sở khối ngành học sau. Tuy nhiên, một số học phần của mô-đun chuyên môn của ngành có thể bố trí ngay trong các học kỳ đầu vì các học phần này tương đối đơn giản và có tác dụng tạo sự hứng thú nghề nghiệp cho sinh viên.

- Về học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Ngoại ngữ không chuyên: do Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng, Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Huế tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ.

- Những học phần có học phần tiên quyết chỉ được học sau những học phần tiên quyết của học phần đó.

- Khóa luận hoặc học phần tự chọn thay thế khóa luận: căn cứ vào quy định làm Khóa luận do Trường ban hành để xét cho sinh viên làm khóa luận. Những sinh viên còn lại đăng ký học các học phần thay thế để thay cho việc làm khóa luận.

- Các học phần được đánh giá trên cơ sở hoạt động trên lớp (tinh thần học tập, phát biểu trong các giờ thảo luận, chuẩn bị bài...) của sinh viên và kết quả các bài kiểm tra giữa kì, bài thi cuối kỳ (dưới hình thức trắc nghiệm, viết luận, thi tự luận, làm bài tập/sản phẩm truyền thông theo nhóm...). Điểm số được chấm theo thang điểm 10, bộ phận đào tạo của Trường sẽ chuyển sang hệ điểm khác cho phù hợp với quy chế đào tạo.

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 202...

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA